|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  **TRƯỜNG THPT NGUYỄN TẤT THÀNH**  **ĐỀ CHÍNH THỨC**  (Đề có 04 trang) | **KIỂM TRA CUỐI KỲ 1**  **NĂM HỌC 2022-2023**  **Bài kiểm tra môn: Địa lí - Khối 12**  **Ban: Khoa học xã hội**  **Thời gian làm bài: 45 phút**  **MÃ ĐỀ: 109** |

|  |
| --- |
| Họ, tên học sinh:………………………………………………………………. |
| Lớp: …………………………. Số báo danh………………………………….. |

**Câu 1.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết bán đảo Sơn Trà thuộc tỉnh (thành phố) nào sau đây?

**A.** Quảng Nam. **B.** Khánh Hoà. **C.** Bình Định. **D.** Đà Nẵng.

**Câu 2.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 11 và trang 17, cho biết đất mặn tập trung nhiều nhất ở vùng nào sau đây?

**A.** Đồng bằng sông Hồng. **B.** Duyên hải Nam Trung Bộ.

**C.** Đồng bằng sông Cửu Long. **D.** Bắc Trung Bộ.

**Câu 3.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, các đô thị có quy mô dân số (2007) trên 1 triệu người ở nước ta là

**A.** Hà Nội, Hải Phòng. **B.** Hà Nội, Đà Nẵng.

**C.** Hà Nội, Biên Hòa. **D.** Hà Nội, Vũng Tàu.

**Câu 4.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?

**A.** Nghi Sơn. **B.** Chu Lai. **C.** Định An. **D.** Năm Căn.

**Câu 5.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 12, cho biết Vườn quốc gia Hoàng Liên nằm ở phân khu địa lí động vật nào sau đây?

**A.** Trung Trung Bộ. **B.** Đông Bắc. **C.** Bắc Trung Bộ. **D.** Tây Bắc.

**Câu 6.** Cho bảng số liệu

**Diện tích rừng của Việt Nam qua các năm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng diện tích có rừng** *(triệu ha)* | **Diện tích rừng tự nhiên** *(triệu ha)* | **Diện tích rừng trồng** *(triệu ha)* | **Độ che phủ rừng** *(%)* |
| 2005 | 12,7 | 10,2 | 2,5 | 38,0 |
| 2010 | 13,4 | 10,3 | 3,1 | 39,5 |
| 2015 | 14,1 | 10,2 | 3,9 | 40,8 |
| 2018 | 14,5 | 10,3 | 4,2 | 41,7 |

Nhận xét nào sau đây đúng về diện tích rừng của Việt Nam qua các năm?

**A.** Tổng diện tích rừng tăng nhưng chất lượng rừng chưa thể phục hồi.

**B.** Tổng diện tích rừng và diện tích rừng tự nhiên tăng liên tục.

**C.** Độ che phủ rừng ngày càng giảm.

**D.** Diện tích rừng trồng có sự biến động.

**Câu 7.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 6 – 7, cho biết dãy núi nào sau đây không có hướng vòng cung?

**A.** Sông Gâm. **B.** Ngân Sơn. **C.** Bắc Sơn. **D.** Tam Điệp.

**Câu 8.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết nơi nào sau đây có khí tự nhiên?

**A.** Rạng Đông. **B.** Kiên Lương. **C.** Tiền Hải. **D.** Bạch Hổ.

**Câu 9.** Cho bảng số liệu

**Cơ cấu lao động phân theo khu vực kinh tế giai đoạn 2000 – 2018 (Đơn vị: %).**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khu vực kinh tế** | **2000** | **2005** | **2010** | **2015** | **2018** |
| KV I (Nông – lâm – thủy sản) | 57.3 | 61.9 | 49.5 | 44.0 | 37.7 |
| KV II (Công nghiệp – xây dựng) | 18.2 | 15.4 | 21.0 | 22.8 | 26.7 |
| KV III (Dịch vụ) | 24.5 | 22.7 | 29.5 | 33.2 | 35.6 |

Để thể hiện sự thay đổi cơ cấu lao động phân theo khu vực kinh tế nước ta giai đoạn 2000 – 2018, biểu đồ nào là thích hợp nhất?

**A.** Biểu đồ tròn. **B.** Biểu đồ đường **C.** Biểu đồ miền. **D.** Biểu đồ cột.

**Câu 10.** Cho bảng số liệu

**Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi ở nước ta (Đơn vị: %).**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm tuổi** | **2009** | **2015** | **2017** |
| Từ 0 - 14 tuổi | 24,5 | 24,0 | 23,7 |
| Từ 15 - 59 tuổi | 66,8 | 64,7 | 63,6 |
| Từ 60 tuổi trở lên | 8,7 | 11,3 | 12,7 |

Nhận xét nào sau đây **không đúng** về cơ cấu dân số theo nhóm tuổi ở nước ta giai đoạn 2009 – 2017?

**A.** Tỉ trọng nhóm tuổi từ 60 tuổi trở lên tăng

**B.** Tỉ trọng nhóm tuổi từ 0 đến 14 tuổi tăng.

**C.** Tỉ trọng nhóm tuổi từ 15 đến 59 tuổi giảm.

**D.** Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi đang biến đổi nhanh theo hướng già hoá.

**Câu 11.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 14, các cao nguyên xếp theo thứ tự từ Bắc vào Nam là

**A.** Kon Tum, Pleiku, Đắk Lắk, Di Linh, Mơ Nông.

**B.** Kon Tum, Đắk Lắk, Pleiku, Mơ Nông, Di Linh.

**C.** Kon Tum, Pleiku, Đắk Lắk, Mơ Nông, Di Linh.

**D.** Kon Tum, Pleiku, Mơ Nông, Đắk Lắk, Di Linh.

**Câu 12.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết phát biểu nào sau đây đúng về chế độ nhiệt và mưa của Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh?

**A.** Lượng mưa cao nhất ở TP. Hồ Chí Minh là vào tháng VIII.

**B.** Nhiệt độ trung bình ở Hà Nội thấp hơn ở TP. Hồ Chí Minh.

**C.** Thời gian có lượng mưa cao nhất ở Hà Nội là tháng IX.

**D.** Biên độ nhiệt độ năm ở TP. Hồ Chí Minh cao hơn Hà Nội.

**Câu 13.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết nhận xét nào sau đây đúng với địa hình của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

**A.** Địa hình không có sự phân hóa đa dạng.

**B.** Không có nhiều dạng địa hình khác nhau.

**C.** Chủ yếu là các núi cao, thung lũng hẹp.

**D.** Hướng của các dãy núi chủ yếu là vòng cung.

**Câu 14.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, phần lớn diện tích có mật độ dân số từ 1001 người/km2 trở lên tập trung ở vùng

**A.** Tây Nguyên **B.** Đồng bằng sông Hồng

**C.** Bắc Trung Bộ **D.** Đồng bằng sông Cửu Long

**Câu 15.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết phát biểu nào sau đây **không** đúng với thời gian mùa mưa ở nước ta?

**A.** Miền Trung mưa nhiều vào thu đông. **B.** Miền Bắc mưa nhiều vào mùa hạ.

**C.** Tây Nguyên mưa nhiều vào thu đông. **D.** Miền Nam mưa nhiều vào mùa hạ.

**Câu 16.** Cho bảng số liệu sau

**Dân số cả nước và số dân thành thị của nước ta giai đoạn 2009 – 2020**

(Đơn vị: Triệu người)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2009** | **2013** | **2015** | **2017** | **2020** |
| Dân số cả nước | 85,8 | 89,7 | 93,7 | 94,6 | 97,3 |
| Số dân thành thị | 25,4 | 28,9 | 31,0 | 32,8 | 36,7 |

Để thể hiện dân số cả nước và số dân thành thị của Việt Nam thời kỳ 2009 – 2020, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

**A.** Biểu đồ tròn. **B.** Biểu đồ miền. **C.** Biểu đồ cột. **D.** Biểu đồ đường.

**Câu 17.** Sông ngòi nước ta có chế độ nước theo mùa là do

**A.** sự đa dạng của hệ thống sông ngòi. **B.** chế độ mưa mùa.

**C.** hoạt động của bão. **D.** hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới.

**Câu 18.** Gió mùa đông bắc hoạt động vào thời gian nào sau đây?

**A.** Mùa đông. **B.** Tháng 11 đến tháng 4.

**C.** Thu - đông. **D.** Tháng 5 đến tháng 10.

**Câu 19.** Thời gian khô hạn kéo dài nhất ở các tỉnh nào sau đây?

**A.** Sơn La và Lai Châu. **B.** Sơn La và Nghệ An.

**C.** Quảng Bình và Quảng Trị. **D.** Ninh Thuận và Bình Thuận.

**Câu 20.** Vùng đất ngoài đê ở đồng bằng sông Hồng là nơi

**A.** được bồi đắp phù sa thường xuyên. **B.** có nhiều ô trũng ngập nước.

**C.** không được bồi đắp thường xuyên. **D.** có bậc ruộng cao bạc màu.

**Câu 21.** Việt Nam gắn liền với lục địa và đại dương nào sau đây?

**A.** Á-Âu và Ấn Độ Dương. **B.** Á-Âu và Bắc Băng Dương.

**C.** Á-Âu và Thái Bình Dương. **D.** Á- Âu và Đại Tây Dương.

**Câu 22.** Nhiệt độ trung bình năm ở phần lãnh thổ phía Bắc là

**A.** 200C. **B.** trên 200C. **C.** 22 0C. **D.** 24 0C.

**Câu 23.** Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được quy định bởi

**A.** địa hình nước ta nhiều đồi núi. **B.** địa hình nước ta thấp dần ra biển.

**C.** hoạt động của gió phơn Tây Nam. **D.** vị trí trong vùng nội chí tuyến.

**Câu 24.** Đặc điểm nổi bật của địa hình vùng núi Đông Bắc là

**A.** có các cao nguyên ba dan, xếp tầng.

**B.** có các khối núi cao và đồ sộ nhất nước ta.

**C.** núi thấp chiếm ưu thế, hướng vòng cung.

**D.** có 3 mạch núi hướng tây bắc - đông nam.

**Câu 25.** Địa hình núi cao tập trung chủ yếu ở khu vực nào sau đây?

**A.** Trường Sơn Bắc. **B.** Đông Bắc. **C.** Trường Sơn Nam. **D.** Tây Bắc.

**Câu 26.** Hậu quả của ô nhiễm môi trường nước, nhất là ở vùng cửa sông, ven biển là

**A.** hải sản giảm sút. **B.** mưa a-xít.

**C.** biến đổi khí hậu. **D.** cạn kiệt dòng chảy.

**Câu 27.** Tác động của gió mùa Đông Bắc mạnh nhất ở vùng

**A.** Tây Nguyên. **B.** Bắc Trung Bộ. **C.** Đông Bắc. **D.** Tây Bắc.

**Câu 28.** Vùng thường xảy ra lũ quét là

**A.** Đồng bằng sông Cửu Long. **B.** Đồng bằng sông Hồng.

**C.** vùng núi phía Bắc. **D.** Tây Nguyên.

**Câu 29.** Vùng núi nào sau đây nằm giữa sông Hồng và sông Cả?

**A.** Trường Sơn Bắc. **B.** Tây Bắc. **C.** Đông Bắc. **D.** Trường Sơn Nam.

**Câu 30.** Nước ta tiếp giáp với Biển Đông, nên có

**A.** sự phân mùa khí hậu. **B.** độ ẩm không khí lớn.

**C.** địa hình nhiều đồi núi. **D.** nhiệt độ trung bình cao.

**Câu 31.** Phát biểu nào sau đây **không** phải là đặc điểm của phần lãnh thổ phía Bắc nước ta?

**A.** Thời tiết thường diễn biến phức tạp.

**B.** Trong năm có một mùa đông lạnh.

**C.** Có một mùa khô sâu sắc kéo dài.

**D.** Biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn.

**Câu 32.** Đất feralit ở nước ta có màu đỏ vàng chủ yếu do

**A.** rửa trôi các chất badơ dễ tan. **B.** quá trình tích tụ mùn mạnh.

**C.** quá trình phong hóa mạnh mẽ. **D.** tích tụ ôxit sắt và ôxit nhôm.

**Câu 33.** Than nâu tập trung nhiều nhất ở vùng nào sau đây?

**A.** Đồng bằng sông Hồng. **B.** Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**C.** Đồng bằng sông Cửu Long. **D.** Bắc Trung Bộ.

**Câu 34.** Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu cho vùng lãnh thổ phía Bắc là đới rừng

**A.** xa van và cây bụi. **B.** cận nhiệt đới.

**C.** nhiệt đới gió mùa. **D.** ôn đới gió mùa.

**Câu 35.** Khu vực có mưa nhiều nhất vào thời kì đầu mùa hạ ở nước ta là

**A.** Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ. **B.** Đồng bằng sông Hồng và Tây Bắc.

**C.** Tây Nguyên và Nam Bộ. **D.** Bắc Trung Bộ và Tây Bắc.

**Câu 36.** Khí hậu miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có đặc điểm nào sau đây?

**A.** Nóng, ẩm quanh năm. **B.** Tính chất ôn hòa.

**C.** Tính chất cận xích đạo. **D.** Khô hạn quanh năm.

**Câu 37.** Nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự suy giảm diện tích rừng ngập mặn ở nước ta hiện nay là do

**A.** khai thác rừng lấy gỗ, củi. **B.** biến đổi khí hậu toàn cầu.

**C.** môi trường nước ô nhiễm. **D.** mở rộng đất nông nghiệp.

**Câu 38.** Nguyên nhân chủ yếu làm cho diện tích rừng nước ta suy giảm nhanh là do

**A.** cháy rừng. **B.** khai thác quá mức.

**C.** chiến tranh. **D.** trồng rừng chưa hiệu quả.

**Câu 39.** Vào mùa đông, gió mùa Đông Bắc ở miền Bắc nước ta thổi xen kẽ với gió

**A.** Tín phong bán cầu Nam. **B.** Tín phong bán cầu Bắc.

**C.** Tây ôn đới. **D.** phơn Tây Nam.

**Câu 40.** Triển khai Luật bảo vệ và phát triển rừng, nhà nước đã tiến hành biện pháp nào?

**A.** giao đất, giao rừng cho dân. **B.** bảo vệ rừng sản xuất.

**C.** xây dựng vườn quốc gia. **D.** trồng thêm rừng.

-------------------Hết------------------

*Học sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam – NXB Giáo dục; giám thị không giải thích gì thêm.*